

Tại phiên tòa hôm nay: Ông N xác định thời điểm vợ chồng ông T cam kết hứa trả là vào tháng 8 năm 2017.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Ông T cùng vợ là bà U (gọi chung là vợ chồng ông T) được triệu tập tham gia phiên tòa lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do. Căn cứ khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt vợ chồng ông T.

[2] Tuy vợ chồng ông T không có ý kiến, nhưng qua chứng cứ do phía ông N cung cấp, thể hiện vào khoảng tháng 3 năm 2017, ông T có lập tờ cam kết trả cho ông N 10 triệu đồng là thực tế xảy ra.

[3] Đến hạn theo cam kết (tháng 8 năm 2017), vợ chồng ông T không thực hiện thanh toán số tiền nói trên cho ông N là vi phạm nghĩa vụ thanh toán nợ. Vì vậy, ông N khởi kiện yêu cầu vợ chồng ông T thực hiện nghĩa vụ là có cơ sở, cần buộc vợ chồng ông T có nghĩa vụ thanh toán cho ông N 10 triệu đồng. Trường hợp chậm thanh toán, vợ chồng ông T còn phải chịu khoản tiền lãi theo quy định.

[4] Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận, nên vợ chồng ông T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch 5%.

[5] Phần ông N nộp tạm ứng án phí được nhận lại.

[6] Tại phiên tòa: Ông N có mặt, nên thời hạn kháng cáo tính kể từ ngày tuyên án. Vợ chồng ông T vắng mặt, nên thời hạn kháng cáo tính kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các điều 147, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 466 của Bộ luật dân sự; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

1. Xét xử vắng mặt ông Nguyễn Ngọc T và bà Phan Thị U.

2. Buộc ông Nguyễn Ngọc T và vợ là bà Phan Thị U có nghĩa vụ thanh toán cho ông Trương Văn N 10.000.000 (mười triệu) đồng.

3. Kể từ ngày ông N có đơn yêu cầu thi hành án. Trường hợp vợ chồng ông T không chịu thanh toán khoản tiền nói trên cho ông N, thì hàng tháng, vợ chồng ông T còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền phải thi hành án theo lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

4. Ông T và bà U phải chịu 500.000 (năm trăm ngàn) đồng án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch 5%.

5. Trả lại cho ông N 300.000 (ba trăm ngàn) đồng tiền nộp tạm ứng án phí theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0005996 ngày 04/3/2019 do Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thới Bình phát hành.

6. Ông N được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Ông T và bà U được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được nhận bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

7. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKS nd huyện Thới Bình;
- Chi cục THA dân sự huyện Thới Bình;
- Phòng KTNV&THA TA nd tỉnh Cà Mau;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**

Nguyễn Trọng Quế